TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/DS-ST
Ngày: 16/9/2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

2. Ông Nguyễn Hồng Tý.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST – DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Trần Thị D, sinh năm: 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 8, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Hồng Hương T, sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Ông Vũ Đức H, sinh năm: 1967. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã HB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2018, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Do quen biết làm ăn nên bà Trần Thị D có cho vợ chồng bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H mượn tiền. Khi mượn hai bên có viết "Giấy mượn tiền", giấy này không ghi ngày nhưng theo bà D thì ngày viết giấy mượn tiền là ngày 10/11/2016 (thời gian bắt đầu của thời hạn mượn tiền), theo giấy mượn tiền ngày 10/11/2016 thì bà T và ông H mượn bà D số tiền 100.000.000đ, thời

gian mượn là 06 tháng từ ngày 10/11/2016 đến ngày 10/5/2017 phải trả. Do bà D cho vợ chồng bà T và ông H mượn tiền nên không thỏa thuận lãi suất, việc mượn tiền không thế chấp tài sản gì, cũng không ai chứng kiến. Giấy mượn tiền này do bà T viết, bà T và ông H ký tên trước mặt bà D. Từ ngày mượn tiền đến nay bà T và ông H có trả cho bà D được 10.000.000đ (Mười triệu đồng), không trả số tiền lãi nào (do bà T và ông H mượn tiền bà D chứ không phải vay tiền của bà D nên không tính lãi suất và bà D cũng không yêu cầu bà T và ông H phải trả tiền lãi hàng tháng), từ đó đến nay bà T và ông H không trả cho bà D số tiền nào nữa, mặc dù bà D đã đòi rất nhiều lần nhưng bà T và ông H vẫn không trả.

Tại đơn khởi kiện bà D có yêu cầu bà T và ông H phải trả số tiền nợ hụi là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng) nhưng nay bà D xin rút yêu cầu đối với số tiền nợ hụi này. Việc bà D xin rút yêu cầu đối với số tiền nợ hụi 22.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Nay bà D yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H phải trả cho bà D số tiền mà bà T và ông H đã mượn là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Bà D không yêu cầu tính lãi suất.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H vẫn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên tòa bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo giấy mượn tiền giữa bà Trần Thị D với bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H, do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự, về quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các đương sự nói trên vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng

mặt bị đơn bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H.

[2] Về nội dung:

"Giấy mượn tiền" mặc dù không ghi ngày nhưng theo bà Trần Thị D giấy mượn tiền là ngày 10/11/2016 (thời gian bắt đầu của thời hạn mượn tiền) do đó xác định giấy mượn tiền được xác lập ngày 10/11/2016 là có cơ sở. Xét thấy, thời điểm bà Trần Thị D và bà Nguyễn Hồng Hương T, ông Vũ Đức H giao kết hợp đồng vay tài sản, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực; Do đó áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Theo giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp thể hiện: Bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H có mượn của bà Trần Thị D số tiền 100.000.000đ từ ngày 10/11/2016 đến mùng 10/5/2017 phải trả cho bà D, không thỏa thuận lãi suất, giấy này do bà T viết, bà T và ông H ký tên xác nhận. Như vậy đây là hợp đồng vay tài sản, có thời hạn, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên Tòa bà D có yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ hụi 22.000.000đ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà D là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà bà D đã rút.

Trong thời gian vay mượn bà T và ông H có trả cho bà D số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) việc trả tiền này hai bên không làm giấy tờ gì, nhưng đây là sự thừa nhận của bà D sự thừa nhận này có lợi cho bị đơn bà T, ông H nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau đó thì bà T và ông H không trả cho bà D số tiền nào nên đã vi phạm cam kết trả nợ.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà T và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp. Đồng thời bị đơn cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ nêu trên. Bà T và ông H cố tình không đến theo giấy triệu tập của Tòa án là tự từ bỏ quyền chứng minh, quyền bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T, ông H phải trả số tiền 90.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 471 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 nên có cơ sở để chấp nhận.

Bà Trần Thị D không yêu cầu bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H phải trả lãi chậm thanh toán. Xét thấy việc nguyên đơn không yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H phải có trách nhiệm trả nợ nên bà T và ông H phải chịu án phí trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, các điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D đối với bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

1. Buộc bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H phải trả cho bà Trần Thị D số tiền là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện mà bà Trần Thị D đã rút đối với số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng Hương T và ông Vũ Đức H phải nộp 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Trần Thị D số tiền tạm ứng án phí 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006551 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo